

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG MN HƯỚNG DƯƠNG 2

Số: 119/MNHD2

Về việc báo cáo đánh giá thực hiện dự toán
thu chi ngân sách quý 1/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Chánh, ngày 10 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bình Chánh.

Trường Mầm non Hướng Dương 2 gửi báo cáo đánh giá thực hiện dự toán thu chi ngân sách theo các mẫu biểu đính kèm, như sau:

1. Đánh giá thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 1/2023.
2. Quyết định công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 1/2023.

Trường Mầm Non Hướng Dương 2 chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung báo cáo trên. Kính gửi Phòng Tài chính Kế hoạch tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.



Đương Thị Uyên Thi

Số: 118/QĐ-MNHD2

Bình Chánh, ngày 10 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai ngân sách quý 4 năm 2022
của trường Mầm non Hướng Dương 2

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG 2

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 13339/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bình chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2022 cho trường Mầm Non Hướng Dương 2;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu ngân sách quý 1 năm 2023 của trường Mầm Non Hướng Dương 2 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Toàn thể CB-CNV-VC của đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- P.TCKH (để báo cáo);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đương Thị Uyên Thi

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Đính kèm công văn: 118/MNHD2 ngày 10/4/2023 về việc báo cáo đánh giá thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quý 1/2023)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1,1	Lệ phí				
1,2	Phí				
1.3	Thu sự nghiệp	8.469.245.000	2.318.491.600	27%	
1.31	Thu học phí	530.820.000	-	0%	
1.32	Thu thỏa thuận	3.660.435.000	1.155.370.000	32%	
	Anh văn	319.410.000	107.030.000	34%	
	Nhịp điệu	228.150.000	76.450.000	34%	
	Vẽ	228.150.000	76.450.000	34%	
	Phục vụ bán trú	1.617.300.000	517.505.000	32%	
	NQ04	518.400.000	177.130.000	34%	
	Vệ sinh bán trú	115.425.000	39.575.000	34%	
	Thiết bị bán trú	115.200.000	2.800.000	2%	
	Công phục vụ ăn sáng	518.400.000	158.430.000	31%	
1.3.3	Thu hộ	4.275.990.000	1.162.400.000	27%	
	Ăn sáng	1.036.800.000	280.920.000	27%	
	Ăn trưa	3.048.300.000	854.300.000	28%	
	Nước uống học sinh	77.760.000	26.610.000	34%	
	Học phẩm	113.130.000	570.000	1%	
1.3.4	Thu khác	2.000.000	721.600	36%	
	Lãi Ngân Hàng	2.000.000	721.600	36%	
3.3	Chi học phí	-	-	0%	
3.4	Chi sự nghiệp	7.938.425.000	2.066.069.549	26%	
3.4.1	Chi thỏa thuận	3.660.435.000	1.007.481.281	28%	
	Tiếng Anh	319.410.000	61.139.000	19%	
	Nhịp điệu	228.150.000	43.677.000	19%	
	Vẽ	228.150.000	43.677.000	19%	
	Phục vụ bán trú	1.617.300.000	511.504.533	32%	
	NQ04	518.400.000	145.202.723	28%	
	Vệ sinh bán trú	115.425.000	30.823.800	27%	
	Thiết bị bán trú	115.200.000		0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	Công phục vụ sáng	518.400.000	171.457.225	33%	
3.4.2	Chi hộ	4.275.990.000	1.058.357.268	25%	
	Ăn sáng	1.036.800.000	264.802.198	26%	
	Cơm bán trú	3.048.300.000	779.356.891	26%	
	Nước uống học sinh	77.760.000	6.996.180	9%	
	Học phẩm	113.130.000	7.201.999	6%	
3.4.3	Chi khác	2.000.000	231.000	12%	
	Lãi Ngân Hàng	2.000.000	231.000	12%	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.098.401.000	1.492.519.798	15%	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.639.684.000	1.351.500.968	14%	
Mục 6000	Lương:	1.848.970.800	446.329.502	24%	
6001	Lương theo ngạch bậc được duyệt	1.848.970.800	446.329.502	24%	
Mục 6100	Phụ cấp	1.498.307.792	342.017.105	23%	
6101	Chức vụ	50.064.000	12.069.002	24%	
6112	PC ưu đãi nghề	740.024.016	155.725.011	21%	
6113	PC trách nhiệm	2.000.000	447.000	22%	
6115	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	197.334.408	50.175.451	25%	
6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	508.885.368	123.600.641	24%	
Mục 6300	Các khoản đóng góp:	702.714.168	119.514.878	17%	
6301	Bảo hiểm xã hội	527.035.632	89.000.442	17%	
6302	Bảo hiểm y tế	93.006.288	15.257.218	16%	
6303	Kinh phí công đoàn	41.336.124	10.171.478	25%	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	41.336.124	5.085.740	12%	
Mục 6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân:	3.543.433.000	173.244.600	5%	
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	-			
6449	Hỗ trợ chế độ mầm non NQ04	467.700.000	145.620.000	31%	
6449	+ Chế độ thu nhập tăng thêm (theo Nghị quyết 03) nguồn 14	3.075.733.000	27.624.600	1%	
Mục 6500	Thanh toán Dịch vụ công cộng:	348.000.000	42.168.053	12%	
6501	Thanh toán tiền điện	180.000.000	18.109.538	10%	
6502	Thanh toán tiền nước	168.000.000	24.058.515	14%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
6504	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	-	-	0%	
Mục 6550	Vật tư văn phòng :	70.000.000	-	0%	
6551	Văn phòng phẩm	48.000.000		0%	
6552	Mua sắm công cụ,dụng cụ văn phòng	20.000.000		0%	
6599	Vật tư văn phòng khác	2.000.000		0%	
Mục 6600	Thông tin, truyền tin, liên lạc:	23.000.000	4.612.000	20%	
6601	Cước phí điện thoại trong nước	1.800.000	88.000	5%	
6605	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp, cước Internet; thuê đường truyền mạng cáp	4.800.000	924.000	19%	
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	6.000.000		0%	
6618	Khoản điện thoại	10.400.000	3.600.000	35%	
Mục 6650	Hội nghị	35.000.000	-	0%	
6699	Chi phí khác	35.000.000		0%	
Mục 6700	Công tác phí:	25.200.000	6.300.000	25%	
6701	Tiền vé máy bay, tàu xe				
6702	Phụ cấp công tác phí				
6703	Tiền thuê phòng ngủ				
6704	Khoản công tác phí	25.200.000	6.300.000	25%	
Mục 6750	Chi phí thuê mướn;	462.358.000	76.296.000	17%	
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	-			
6757	Thuê lao động trong nước	-		0%	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	-	-		
6799	Chi phí thuê mướn khác	462.358.000	76.296.000	17%	
Mục 6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ phục vụ CT	415.000.000	-	0%	
	duy tu, bảo dưỡng các công trình CSHT:				
6907	Nhà cửa	240.000.000		0%	
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin			0%	
6913	Tài sản và các thiết bị văn phòng			0%	
6914	Máy Fax				
6916	Máy bơm nước				
6917	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính				
6921	Đường điện, cấp thoát nước	20.000.000		0%	
6949	Các TSCĐ và công trình hạ tầng cơ sở khác	20.000.000		0%	
6999	Tài sản và thiết bị khác	135.000.000			
Mục 7000	Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành:	208.983.240	-	0%	
7001	Chi mua hàng hóa vật tư dùng cho CM...	93.000.000		0%	
7012	Chi thanh toán hợp đồng thực hiện nghiệp vụ chuyên môn	40.000.000		0%	
7049	Chi phí khác	72.383.240		0%	
7053	Mua phần mềm bảo trì công nghệ	3.600.000		0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
Mục 7950	Chi lập các quỹ của đơn vị	-	-		
7952	Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị				
7953	Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị				
7954	Chi lập quỹ PTHĐSN của đv	-		0%	
Mục 9100	SC lớn TSCĐ phục vụ công tác chuyên môn				
9107	Nhà cửa				
9149	Các TSCĐ				
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	458.717.000	141.018.830	0%	
Mục 6100	Phụ cấp	458.717.000	141.018.830	0%	
6105	Phụ cấp thêm giờ	391.316.000	58.018.830	0%	
6112	Chi phụ cấp đặc biệt của ngành (khuyết tật)	50.751.000		0%	
6116	Chi phụ cấp đặc biệt của ngành			0%	
6157	Chi phí học tập	5.400.000	2.400.000	0%	
6199	Các khoản hỗ trợ khác	7.200.000	3.200.000	0%	
6449	Chi khác	-	77.400.000	0%	
7001	Chi mua hàng hóa vật tư dùng cho CM...			0%	
7766	Cấp bù học phí	4.050.000		0%	

KẾ TOÁN



Nguyễn Ngọc Ái Vân

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG




Dương Thị Uyên Thi